SỞ Y TẾ TỈNH NAM ĐỊNH
BỆNH VIỆN NỘI TIẾT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Nam Định, ngày 19 tháng 10 năm 2022

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Vật tư, Hóa chất xét nghiệm sinh hóa, hóa chất xét nghiệm miễn dịch.

Kính gửi: **Quý Công ty**

Hiện nay Bệnh viện Nội tiết tỉnh Nam Định đang thực hiện xây dựng kế hoạch, dự toán mua sắm Vật tư, Hóa chất xét nghiệm sinh hóa, hóa chất xét nghiệm miễn dịch năm 2022-2023;

Bệnh viện Nội tiết tỉnh Nam Định kính mời **Quý Công ty** quan tâm báo giá các mặt hàng vật tư, hóa chất, cụ thể như sau:

- Danh mục báo giá: Chi tiết theo phụ lục đính kèm.

(Lưu ý: Báo giá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có), chi phí vận chuyển ... bên mua không phải trả bất kỳ một chi phí nào thêm).

- Mục đích báo giá: giúp Bệnh viện làm cơ sở xây dựng kế hoạch, dự toán mua sắm.

- Thời hạn gửi báo giá: Trước 15 giờ ngày 25 tháng 10 năm 2022.

- Số lượng bản báo giá : 01 bản chính bằng tiếng Việt (theo mẫu báo giá đính kèm tại Phụ lục).

- Hình thức gửi báo giá: Bản cứng và bản mềm quét PDF (đã đóng dấu và gửi qua email).

- Địa điểm nhận báo giá: Khoa Dược –TTBYT- KSNK – Bệnh viện Nội tiết tỉnh Nam Định.

Địa chỉ: Đường Phù Nghĩa, Phường Lộc Hạ, TP. Nam Định.

Điện thoại: 0915115504

Email: hathuy11.5@gmail.com

Xin chân thành cảm ơn./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- BGĐ, Khoa Dược-TTBYT-KSNK;
- Lưu VT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH NAM ĐỊNH
BỆNH VIỆN NỘI TIẾT

Hoàng Kim Bảng

PHỤ LỤC 02. VẬT TƯ, HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM MIỄN DỊCH

(Kèm theo Thư mời báo giá ngày 19/10/2022)

STT	Mã MH	Nhóm TCKT theo TT 14/2020/TT-BYT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật , tiêu chuẩn chất lượng	Quy cách đóng gói	Số lượng	Đơn vị tính
1	MD1	Nhóm 3	Thuốc thử xét nghiệm định lượng T3	-Mục đích: để đo lường định lượng triiodothyronin (T3) toàn phần tuần hoàn trong huyết thanh '-Phạm vi hiệu chuẩn: 40–600 ng/dL (0,61–9,2 nmol/L) '-Thành phần: Hộp thuốc thử hình nêm T3 toàn phần (LT32): Có mã vạch. 7,5 mL photphatase kiềm (ruột bê) được liên hợp với T3; Chất điều chỉnh T3 toàn phần (LT3L, LT3H): Hai lọ (nồng độ Thấp và nồng độ Cao), mỗi lọ 2,0 mL, T3 huyết thanh người đã xử lý	100 xét nghiệm/hộp	150	Hộp
2	MD2	Nhóm 3	Thuốc thử xét nghiệm định lượng FT4	-Mục đích: đo lường định lượng các mức thyroxine không gắn với protein (T4 tự do) trong huyết thanh và huyết tương có heparin '-Phạm vi có thể báo cáo: 0,3–6 ng/dL (3,9–77,2 pmol/L) '-Thành phần: Hộp thuốc thử hình nêm T4 tự do (LFT42): Có mã vạch. 7,5 mL photphatase kiềm (ruột bê) được liên hợp với T4 trong dung dịch đệm; Chất điều chỉnh T4 tự do (LFT4L, LFT4H): Hai lọ (nồng độ Thấp và nồng độ Cao) T4 tự do đông khô trong huyết thanh người đã xử lý	100 xét nghiệm/hộp	150	Hộp
3	MD3	Nhóm 3	Thuốc thử xét nghiệm định lượng TSH	-Mục đích: đo lường định lượng thyrotropin (TSH) trong huyết thanh '-Phạm vi hiệu chuẩn: Tối đa 75 µIU/mL '-Thành phần: Hộp thuốc thử hình nêm RTH (LRT2): Có mã vạch. 7,5 mL photphatase kiềm (ruột bê) được liên hợp với kháng TSH đa dòng của dê trong dung dịch đệm; Chất điều chỉnh RTH (LRTL, LRTH): Hai lọ (nồng độ Thấp và nồng độ Cao) TSH người đông khô trong chất nền huyết thanh/dung dịch đệm	100 xét nghiệm/hộp	150	Hộp

4	MD4	Nhóm 3	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Thyroglubulin	-Mục đích: đo lường định lượng thyroglobulin trong huyết thanh hoặc huyết tương kháng đông heparin '-Phạm vi hiệu chuẩn: Tối đa 300 ng/mL (455 pmol/L) '-Thành phần: Hộp thuốc thử hình nêm thyroglobulin (LTY2): Có mã vạch. 7,5 mL kháng thể đơn dòng của chuột kháng thyroglobulin được đánh dấu bằng phối tử và photphatase kiềm (ruột bê) liên hợp với kháng thể đa dòng của cừu kháng thyroglobulin trong dung dịch đệm; Các chất điều chỉnh thyroglobulin (LTYL, LTYH): Hai lọ (nồng độ Thấp và nồng độ Cao) thyroglobulin đông khô trong chất nền huyết thanh không phải của người	100 xét nghiệm/hộp	25	Hộp
5	MD5	Nhóm 3	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Anti-Thyroglubulin	-Mục đích: để đo lường định lượng kháng thể kháng thyroglobulin (TG) trong huyết thanh, huyết tương EDTA, heparin và citrate 'Phạm vi hiệu chuẩn: tối đa 3000 IU/mL '-Thành phần: Hộp thuốc thử hình nêm kháng thể kháng TG (LTGA, LTGB): Có mã vạch. LTGA: 7,5 mL chất nền dung dịch đệm, có chất bảo quản. LTGB: 7,5 mL photphatase kiềm (ruột bê) được liên hợp với kháng thể đơn dòng của chuột kháng IgG của người trong dung dịch đệm; Các chất điều chỉnh kháng thể kháng TG (LTGL, LTGH): Hai lọ (nồng độ Thấp và nồng độ Cao) tự kháng thể TG đông khô trong chất nền dung dịch đệm/huyết thanh người; Chất pha loãng mẫu tự kháng thể tuyến giáp (LAAZ4)): Để pha loãng các mẫu của bệnh nhân theo cách thủ công. 100 mL chất nền dung dịch đệm không có kháng thể kháng TG/kháng TPO	100 xét nghiệm/hộp	25	Hộp
6	MD6	Nhóm 3	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Insulin	-Mục đích: để định lượng insulin trong huyết thanh hoặc huyết tương kháng đông heparin '-Phạm vi có thể báo cáo: 2–300 µIU/mL '-Thành phần: Hộp thuốc thử hình nêm insulin (LIN2): Có mã vạch. 7,5 mL photphatase kiềm (ruột bê) được liên hợp với kháng thể đa dòng của cừu kháng insulin và photphatase kiềm (ruột bê) được liên hợp với kháng thểđơn dòng của chuột kháng insulin trong dùng dịch đệm; Các chất điều chỉnh insulin (LINL, LINH): Hai lọ (nồng độ Thấp và nồng độ Cao) insulin đông khô trong chất nền huyết thanh không phải của người	100 xét nghiệm/hộp	55	Hộp

7	MD7	Nhóm 3	Thuốc thử xét nghiệm định lượng C-PEPTID	-Mục đích: để định lượng C-peptide trong huyết thanh, huyết tương có chất kháng đông heparin, hoặc nước tiểu '-Phạm vi có thể báo cáo: 0,1–20 ng/mL (0,03–6,6 nmol/L; 33–6620 pmol/L) '-Thành phần: Hộp thuốc thử hình nêm C-Peptide (LPEP2): Có mã vạch. 7,5 mL photphatase kiềm (ruột bê) được liên hợp với kháng thể đơn dòng của chuột kháng C-peptide trong dung dịch đệm; Chất điều chỉnh C-Peptide (LPEPL, LPEPH): Hai lọ (nồng độ Thấp và nồng độ Cao) C-peptide đông khô trong albumin người trong dung dịch đệm	100 xét nghiệm/hộp	56	Hộp
8	MD8	Nhóm 3	Cơ chất hóa phát quang	- Mục đích sử dụng: Cơ chất phát quang - Thành phần: t phosphate ester của adamantyl dioxetane trong dung dịch đệm AMP có chất tăng cường	(105ml/lọ * 2 lọ)/Hộp	64	Hộp
9	MD9	Nhóm 3	Dung dịch rửa đầu dò	Mục đích: Để sử dụng trong vận hành thường quy nhằm giảm thiểu nhiễm chéo thuốc thử bằng cách giảm tích tụ protein và lipid ở kim hút. Thành phần: Trikali orthophosphate	(100ml/lọ * 2 lọ)/Hộp	48	Hộp
10	MD10	Nhóm 3	Dung dịch làm sạch đầu dò để sử dụng trong bảo trì hàng ngày	Mục đích: Để sử dụng trong bảo trì hàng ngày hệ thống - nhằm giảm thiểu nhiễm bẩn chéo thuốc thử bằng cách giảm tích tụ protein và lipid trong đầu dò. Thành phần: Natri Hypoclorit: < 4.4 %	(100ml/lọ * 2 lọ)/Hộp	5	Hộp
11	MD11	Nhóm 3	Dung dịch kiểm chuẩn cho xét nghiệm Tg Ab, TPOAb	-Mục đích sử dụng: chất kiểm chuẩn hai mức, được xét nghiệm để sử dụng với xét nghiệm Anti-TG Ab và Anti-TPO Ab. -Thành phần: kháng thể TG và TPO đông khô trong chất nền huyết thanh người/dung dịch đệm, có chất bảo quản.	(5 ml/lọ* 2 lọ)/Hộp	2	Hộp

12	MD12	Nhóm 3	Dung dịch kiểm chuẩn cho xét nghiệm TG	-Mục đích sử dụng: chất kiểm chuẩn ba mức, được xét nghiệm nhằm sử dụng với xét nghiệm Thyroglobulin. -Thành phần: chứa thyroglobulin đông khô ở các nồng độ khác nhau trong chất nền huyết thanh không phải của người, có chất bảo quản.	(2 ml/lọ* 3 lọ)/Hộp	2	Hộp
13	MD13	Nhóm 3	Dung dịch kiểm chuẩn cho xét nghiệm C-Peptide	-Mục đích sử dụng: chất kiểm chuẩn ba mức, được xét nghiệm nhằm sử dụng với xét nghiệm C-Peptide. -Thành phần: có chứa C-peptide đông khô ở các nồng độ khác nhau trong chất nền có huyết thanh người, có chất bảo quản.	(2 ml/lọ* 3 lọ)/Hộp	2	Hộp
14	MD14	Nhóm 3	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Cortisol	-Mục đích: đo lường định lượng cortisol (hydrocortisone, Hợp chất F) trong huyết thanh '-Phạm vi hiệu chuẩn: 1–50 µg/dL (28–1380 nmol/L) '-Thành phần: Hộp thuốc thử hình nêm cortisol (LCO2): Có mã vạch. 7,5 mL photphatase kiềm (ruột bê) được liên hợp với cortisol trong dung dịch đệm; Các chất điều chỉnh cortisol (LCOL, LCOH): Hai lọ (nồng độ Thấp và nồng độ Cao), mỗi lọ 3 mL cortisol trong huyết thanh người đã xử lý	100 xét nghiệm/hộp	8	Hộp
15	MD15	Nhóm 3	Thuốc thử xét nghiệm Testosterone toàn phần	-Mục đích: đo lường định lượng testosterone toàn phần trong huyết thanh và huyết tương kháng đông heparin 'Phạm vi hiệu chuẩn: 20–1600 ng/dL (0,7–55 nmol/L) '-Thành phần: Hộp thuốc thử hình nêm testosterone toàn phần (LTW2): Có mã vạch. 7,5 mL photphatase kiềm (ruột bê) được liên hợp với testosterone trong dung dịch đệm; Các chất điều chỉnh testosterone toàn phần (LTWL, LTWH):Hai lọ (nồng độ Thấp và nồng độ Cao), mỗi lọ 4,0 mL testosterone trong huyết thanh người đã xử lý	100 xét nghiệm/hộp	8	Hộp

16	MD16	Nhóm 3	Thuốc thử xét nghiệm ACTH	- Mục đích sử dụng: để đo lường định lượng hoóc-môn hướng vỏ thượng thận (adrenocorticotropic hormone - ACTH) trong huyết tương EDTA - Thành phần: Đơn vị xét nghiệm ACTH (LAC1) Mỗi đơn vị được đánh dấu bằng mã vạch chứa một hạt được bọc bằng kháng thể đơn dòng của chuột kháng ACTH. LKAC1: 100 đơn vị. Hộp thuốc thử hình nêm ACTH (LACA, LACB) LACA: 7,5 mL chất nền huyết thanh/dung dịch đệm protein. LACB: 7,5 mL photphatase kiềm (ruột bê) được liên hợp với kháng thể đa dòng của thỏ kháng ACTH trong dung dịch đệm, có chất bảo quản. LKAC1: 1 bộ Các chất điều chỉnh ACTH (LACL, LACH) Hai lọ (nồng độ Thấp và nồng độ Cao) ACTH đông khô trong chất nền nền protein bò, có chất bảo quản. LKAC1: 2 bộ.	100 xét nghiệm/hộp	8	Hộp
17	MD17	Nhóm 3	Dung dịch kiểm chuẩn xét nghiệm ACTH	- Mục đích sử dụng: Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm ACTH - Thành phần: ACTH đông khô trong chất nền dung dịch đệm có protein chứa huyết thanh người, có chất bảo quản.	2 x 2ml	3	Hộp
18	MD18	Nhóm 4	Cốc đựng mẫu	Sử dụng để chứa mẫu.	1000 chiếc/ hộp	20	Hộp
19	MD19	Nhóm 1	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm miễn dịch, 3 mức nồng độ	- Thành phần: huyết thanh người, dạng đông khô - Bao gồm hơn 70 thông số xét nghiệm miễn dịch thường quy phổ biến. Có các giá trị tham chiếu cho các máy phân tích tự động phổ biến - Sau khi hoàn nguyên có thể ổn định tối thiểu trong 7 ngày khi bảo quản ở 2–8 ° C với hầu hết các chất phân tích	(5ml/lọ *12 lọ)/Hộp	3	Hộp

PHỤ LỤC 01. HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM SINH HÓA

(Kèm theo Thư mời báo giá ngày 19/10/2022)

STT	Mã MH	nhóm TCKT theo TT 14/2020/TT-BYT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật , tiêu chuẩn chất lượng	Quy cách đóng gói	Số lượng	Đơn vị tính
1	SH1	Nhóm 3	Thuốc thử xét nghiệm định lượng GLUCOSE	Dùng để chẩn đoán định lượng Glucose trong máu. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Thành phần Hóa chất R1: Phosphate buffer: 250 mmol/l; Glucose oxidase > 25 U/ml; Peroxidase > 2 U/ml; Phenol: 5 mmol/l; 4-aminoantipyrine: 0.5 mmol/l Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	(44ml/lọ * 10 lọ)/ Hộp	25	Hộp
2	SH2	Nhóm 3	Thuốc thử xét nghiệm định lượng HDL DIRECT	Thành phần Hóa chất R1: MES buffer (pH 6.5): 6.5 mmol/l TODB N, N-Bis(4-sulfobutyl)-3-methylaniline: 3 mmol/l Polyvinyl sulfonic acid: 50 mg/l Polyethylene-glycol-methyl ester: 30 ml/l MgCl2: 2 mmol/l Thành phần Hóa chất R2: MES buffer (pH 6.5): 50 mmol/l Cholesterol esterase: 5 kU/l Cholesterol oxidase: 20 kU/l Peroxidase: 5 kU/l 4-aminoantipyrine: 0.9 g/l Detergent: 0.5 % Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	(R1: 30ml/lọ *4 lọ + R2:10ml/lọ *4 lọ)/Hộp	45	Hộp

3	SH3	Nhóm 3	Thuốc thử định lượng nồng độ LDL-Cholesterol	Thành phần Hóa chất R1: MES buffer (pH 6.5): 50 mmol/l Polyvinylsulfonic acid: 50 mg/l Polyethyleneglycolmethylester: 30 ml/l 4-aminoantipyrine: 0.9 g/l Cholesterol esterase: 5 kU/l Cholesterol oxidase: 20 kU/l Peroxidase: 5 kU/l Detergent Thành phần Hóa chất R2: MES buffer (pH 6.5): 50 mmol/l Detergent TODB N,N-Bis(4-sulfobutyl)-3-methylaniline: 3 mmol/l Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	(R1: 30ml/lọ *2 lọ + R2:10ml/lọ *2 lọ)/Hộp	90	Hộp
4	SH4	Nhóm 3	Thuốc thử xét nghiệm định lượng URIC ACID	Thành phần Hóa chất R1: Pipes Buffer (pH 7.0): 50 mmol/l DHBS: 0.50 mmol/l Uricase: ≥ 0.32 kU/l Peroxidase: ≥ 1.0 kU/l 4-Aminoantipyrine: 0.31 mmol/l Thành phần Hóa chất R2: standard: See bottle label Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	(44ml/lọ * 10 lọ)/ Hộp	3	Hộp
5	SH5	Nhóm 3	Thuốc thử xét nghiệm định lượng UREA	Thành phần Hóa chất R1: Tris Buffer : 100 mmol/l α-Ketoglutarate: 5.49 mmol/l Urease (Jack Bean): ≥ 10 KU/l GLDH (Microorganism): ≥ 3.8 KU/l Thành phần Hóa chất R2: NADH: 1.66 mmol/l. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	(R1: 44ml/lọ *5 lọ + R2:11ml/lọ *5 lọ)/Hộp	40	Hộp

6	SH6	Nhóm 3	Thuốc thử xét nghiệm định lượng AST/GOT	Thành phần Hóa chất R1: Tris Buffer (pH 7.5): 110 mmol/l L-Aspartic acid: 340 mmol/l LDH: ≥ 4000 U/l MDH : ≥ 750 U/l Thành phần Hóa chất R2: CAPSO: 20 mmol/l 2-oxoglutarate: 85 mmol /l NADH: 1.05 mmol/l Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	(R1: 44ml/lọ *6 lọ + R2: 11ml/lọ *6 lọ)/Hộp	31	Hộp
7	SH7	Nhóm 3	Thuốc thử xét nghiệm định lượng ALT/GPT	Thành phần Hóa chất R1: Tris Buffer (pH 7.5): 137.5 mmol/l L-Alanine: 709 mmol/l LDH (microbial): ≥ 2000 U/l Thành phần Hóa chất R2: CAPSO: 20 mmol/l 2-oxoglutarate: 85 mmol /l NADH: 1.05 mmol/l Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	(R1: 44ml/lọ *6 lọ + R2: 11ml/lọ *6 lọ)/Hộp	31	Hộp
8	SH8	Nhóm 3	Thuốc thử xét nghiệm định lượng TRIGLYCERIDES	Thành phần chính: Good's buffer (pH 7,2): 50 mmol/l 4-Chlorophenol: 4 mmol/l Mg 2+ : 15 mmol/l ATP: 2 mmol/l Glycerolkinase: ≥ 0,4 KU/l Peroxidase: ≥ 2,0 KU/l Lipoproteinlipase: ≥ 2,0 KU/l Glycerol-3-phosphate-Oxidase: ≥ 0,5 KU/l 4-Aminoantipyrine: 0,5 mmol/l. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	(44ml/lọ * 10 lọ)/ Hộp	12	Hộp
9	SH9	Nhóm 3	Hóa chất rửa máy sinh hóa	Dung dịch rửa đậm đặc. Thành phần: có chứa natri hydroxit (contains sodium hydroxide) Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	(100ml/lọ * 4 lọ)/ Hộp	96	Hộp

10	SH10	Nhóm 3	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CHOLESTEROL	Thành phần chính: Good's Buffer: 50 mmol/l Phenol: 5 mmol/l 4-aminoantipyrine: 0.3 mmol/l Cholesterol esterase: ≥ 200 U/l Cholesterol oxidase: ≥ 50 U/l Peroxidase: ≥ 3 kU/l. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	(44ml/lọ * 10 lọ)/ Hộp	12	Hộp
11	SH11	Nhóm 3	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Albumin	Dùng để chẩn đoán định lượng Albumin trong máu. Thành phần : Bromocresol green: 0.21 mmol/l; Succinate Buffer: 100 mmol/l; Sodium Azide: 0.5 g/l Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	(44ml/lọ * 10 lọ)/ Hộp	3	Hộp
12	SH12	Nhóm 3	Thuốc thử xét nghiệm định lượng GGT trong huyết thanh	Thành phần hóa chất R1: Tris buffer (pH 8.25): 125 mmol/l Glycyl Glycine: 125 mmol/l Thành phần hóa chất R2: L-γ-Glutamyl-3-carboxy-4-nitroanilide: 20 mmol/l Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	(R1: 44ml/lọ *2 lọ + R2:11ml/lọ *2 lọ)/Hộp	6	Hộp
13	SH13	Nhóm 3	Thuốc thử định lượng nồng độ Protein	Thành phần chính : Copper II Sulphate: 12 mmol/l Potassium Sodium Tartrate: 31.9 mmol/l Potassium Iodide: 30.1 mmol/l Sodium Hydroxide: 0.6 mol/l. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	(44ml/lọ * 10 lọ)/ Hộp	3	Hộp
14	SH14	Nhóm 3	Thuốc thử định lượng nồng độ Bilirubin trực tiếp	Thành phần hóa chất R1: Sulphanilic Acid: 28.87 mmol/l; HCl: 23 mmol/l Thành phần hóa chất R2: Sodium Nitrite: 2.9 mmol/l Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	(R1: 44ml/lọ *6 lọ + R2:22ml/lọ *3 lọ)/Hộp	5	Hộp

15	SH15	Nhóm 3	Thuốc thử định lượng nồng độ Bilirubin toàn phần	Thành phần hóa chất R1: Sulphanilic Acid: 28.87 mmol/l; HCl: 58.8 mmol/l; Cetrimonium Bromide: 68.6 mmol/l Thành phần hóa chất R2: Sodium Nitrite: 2.90 mmol/l Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	(R1: 44ml/lọ *6 lọ + R2:22ml/lọ *3 lọ)/Hộp	5	Hộp
16	SH16	Nhóm 3	Chất chuẩn các thông số xét nghiệm sinh hóa	Dùng để chuẩn các thông số xét nghiệm sinh hóa. Thành phần: Mẫu hiệu chuẩn đông khô dựa trên huyết thanh người. Nồng độ và đặc tính phù hợp để hiệu chuẩn các xét nghiệm hóa học lâm sàng trên máy phân tích hóa học lâm sàng tự động. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	(3ml/lọ* 4 lọ)/hộp	9	Hộp
17	SH17	Nhóm 3	Chất kiểm tra giá trị bình thường các thông số xét nghiệm sinh hóa	Dùng để kiểm tra giá trị bình thường các thông số xét nghiệm sinh hóa. Thành phần: Điều chế từ huyết thanh của con người với các chất phụ gia hóa học và chiết xuất mô từ người và động vật. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	(R1: 5ml/lọ* 4 lọ + R2: 20ml/lọ* 1 lọ)/hộp	8	Hộp
18	SH18	Nhóm 3	Chất kiểm tra giá trị cao các thông số xét nghiệm sinh hóa	Dùng để kiểm tra giá trị bệnh lý các thông số xét nghiệm sinh hóa. Thành phần: Điều chế từ huyết thanh người với các chất phụ gia hóa học và chiết xuất mô từ người và động vật, được thêm vào một số loại vi khuẩn, dạng đông khô. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	(R1: 5ml/lọ* 4 lọ + R2: 20ml/lọ* 1 lọ)/hộp	8	Hộp
19	SH19	Nhóm 3	Chất hiệu chuẩn HDL/LDL CAL	Dùng để hiệu chuẩn các thuốc thử HDL và LDL. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	(1ml/lọ* 2 lọ)/hộp	3	Hộp
20	SH20	Nhóm 3	Dung dịch rửa diệt khuẩn Anti bacterial phosphor free detergent	Dung dịch rửa diệt khuẩn Anti bacterial phosphor free detergent Thành phần chính: Detergent < 1.0% Preservative < 10.0% Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	500ml/chai	20	Chai
21	SH21	Nhóm 3	Dung dịch rửa có tính axit	Dung dịch rửa có tính axit. Thành phần chính: pH = 1.8 +/- 0.5 Nồng độ 1.03gml Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	500ml/chai	15	Chai

22	SH22	Nhóm 3	Thuốc thử định lượng nồng độ Creatine Kinase MB	Thành phần Hóa chất R1: Imidazole buffer, pH 6.1: 125 mmol/l Glucose: 25 mmol/l Magnesium acetate: 12.5 mmol/l EDTA: 2 mmol/l N-acetyl-L-cysteine: 25 mmol/l NADP: 2.4 mmol/l Hexokinase: > 6.8 U/ml Anti-CK antibodies (goat) blocking capacity up to: 2000 U/l CK-MM Thành phần Hóa chất R2: ADP: 15.2 mmol/l D-glukoso-6-phosphate-dehydrogenase: > 8.8 U/ml Creatine phosphate: 250 mmol/l AMP: 25 mmol/l Diadenosine pentaphosphate: 103 µmol/l Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	(R1:44ml/lọ*2 lọ+ R2: 11ml/lọ*2 lọ)/Hộp	3	Hộp
23	SH23	Nhóm 3	Thuốc thử định lượng nồng độ Creatine Kinase	Thành phần Hóa chất R1: Imidazole buffer, pH 6.1: 125 mmol/l Glucose 25 mmol/l Magnesium acetate: 12.5 mmol/l EDTA: 2 mmol/l N-acetylcysteine: 25 mmol/l NADP: 2.4 mmol/l Hexokinase: > 6.8 U/ml Thành phần Hóa chất R2: ADP: 15.2 mmol/l D-glukoso-6-phosphate-dehydrogenase: > 8.8 U/ml Creatine phosphate: 250 mmol/l AMP: 25 mmol/l Diadenosine pentaphosphate: 103 µmol/l Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	(R1:44ml/lọ*2 lọ+ R2:11ml/lọ*2 lọ)/Hộp	3	Hộp
24	SH24	Nhóm 3	Vật liệu kiểm soát chất lượng xét nghiệm định lượng Microalbumin	Hóa chất kiểm tra cho Chất thử Microalbumin chạy cho máy sinh hoá Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	(2 lọ * 1ml/lọ)/Hộp	3	Hộp

25	SH25	Nhóm 3	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Microalbumin	Chất thử Microalbumin Thành phần chính: R1: Tris/HCl buffer: 20 mmol/L, pH 7.4 Polyethylene Glycol: 6%(w/V) NaCl: 150 mmol/L R2: Tris/HCl buffer: 20 mmol/L, pH7.8 Anti (human) albumin: 20% NaCl: 150 mmol/L Tiêu chuẩn chất lượng ISO13485 hoặc tương đương	(R1: 1 lọ * 60ml/lọ + R2: 1 lọ * 20ml/lọ)/Hộp	18	Hộp
26	SH26	Nhóm 3	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Microalbumin	Hóa chất chuẩn cho Chất thử Microalbumin Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	(6 lọ * 2ml/lọ)/Hộp	3	Hộp
27	SH27	Nhóm 4	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Creatinin	Dùng để chẩn đoán định lượng Creatinine trong máu. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Thành phần hóa chất R1: Sodium Hydroxide: 240 mmol/l Thành phần hóa chất R2: Picric Acid: 26 mmol/l	(R1: 44ml/lọ *5 lọ + R2:11ml/lọ *5 lọ)/Hộp	15	Hộp

TÊN ĐƠN VỊ CUNG CẤP
Địa chỉ:……

PHỤ LỤC 03: MẪU BÁO GIÁ
(Kèm theo Thư mời báo giá ngày 18/10/2022)

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: BỆNH VIỆN NỘI TIẾT TỈNH NAM ĐỊNH
Công ty chúng tôi kính gửi quý Bệnh viện báo giá sau:

Đơn vị: VNĐ

STT	Mã MH	Nhóm TCKT theo TT 14/2020/ TT-BYT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật , tiêu chuẩn chất lượng	Quy cách đóng gói	Tên thương mại	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Giá kê khai
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1													
2													
…													
Tổng													

(Đơn giá trên bao gồm giá VAT, phí vận chuyển, các loại thuế phí khác…)

....., ngày .... tháng .... năm 2022
ĐẠI DIỆN CÔNG TY

Hiệu lực báo giá:…… ngày kể từ ngày báo giá

Ghi chú: các cột thông tin 1;2;3;4;5;6;10;11 ghi tương ứng thông tin trong Phụ lục 01, 02.